

KẾ HOẠCH

Công khai theo Thông tư 09/2024/TT-BGDDT ngày 03 tháng 6 năm 2024

Căn cứ theo thông tư: 09/2024/TT-BGDDT ngày 03 tháng 06 năm 2024 quy định về công khai trong cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân.

Nhà trường có kế hoạch công khai các nội dung theo thời điểm như sau:

I. THÔNG TIN CHUNG

Công khai vào đầu mỗi năm học khoản đầu tháng 9 các nội dung sau:

- Tên cơ sở giáo dục
- Địa chỉ trụ sở của cơ sở giáo dục, số điện thoại, địa chỉ thư điện tử, công thông tin điện tử, hoặc trang thông tin điện tử của cơ sở giáo.
- Loại hình của cơ sở giáo dục, cơ quan quản lý trực tiếp;
- Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của cơ sở giáo dục.
- Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của cơ sở giáo dục.
- Thông tin người đại diện pháp luật gồm: họ và tên, chức vụ người đại diện liên hệ, bao gồm: Họ và tên, chức vụ, địa chỉ, số điện thoại, thư điện tử
- Tổ chức bộ máy:
 - + Quyết định thành lập, cho phép thành lập, cho phép hoạt động giáo dục.
 - + Quyết định công nhận thành lập Hội đồng trường, Chủ tịch hội đồng trường và các thành viên trong Hội đồng trường.
 - + Quyết định điều động, bổ nhiệm Hiệu trưởng, phó Hiệu trưởng.
 - + Quy chế hoạt động của cơ sở giáo dục; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ sở giáo dục.
- Các văn bản khác của cơ sở giáo dục: Chiến lược phát triển của cơ sở giáo dục, quy chế dân chủ, các Nghị Quyết của Hội đồng trường; quy định về quản lý hành chính, nhân sự, tài chính, chính sách thu hút, phát triển đội ngũ nhà giáo; kế hoạch thông báo tuyển dụng của cơ sở giáo dục, các quy chế nội bộ của cơ quan,...

II. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

- Công khai vào đầu năm học.
- Thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên:
 - + Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên chia theo nhóm vị trí việc làm và trình độ đào tạo.

+ Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý đạt chuẩn nghề nghiệp theo quy định.

+ Số lượng tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý hoàn thành bồi dưỡng hàng năm theo quy định

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

- Công khai vào đầu năm học

- Thông tin về cơ sở vật chất và tài liệu học tập sử dụng chung:

+ Diện tích khu đất xây dựng trường, diện tích bình quân tối thiểu cho 1 học sinh; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định.

+ Số lượng, hạng mục khối phòng hành chính; khối phòng học tập; khối phòng hỗ trợ học tập; khu sân chơi, thể dục thể thao; khối phục vụ sinh hoạt; hạ tầng kỹ thuật, đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định.

+ Số thiết bị dạy học hiện có; đối sánh với yêu cầu tối thiểu theo quy định.

+ Danh mục sách giáo khoa sử dụng trong cơ sở giáo dục đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; danh mục, sử dụng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

- Công khai khi có kết quả kiểm định.

- Thông tin về kết quả đánh giá và kiểm định chất lượng giáo dục:

+ Kết quả tự đánh giá chất lượng giáo dục và đơn vị; Kế hoạch cải tiến chất lượng sau tự đánh giá.

+ Kết quả đánh giá và công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục đạt chuẩn quốc gia của đơn vị qua các mốc thời gian; kế hoạch và kết quả thực hiện cải tiến chất lượng sau đánh giá ngoài trong 5 năm và hàng năm.

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC

- Công khai vào đầu năm học

- Thông tin về kết quả giáo dục thực tế của năm học trước: *đầu năm học Mới sẽ công khai kết quả năm học trước*

+ Kết quả tuyển sinh; tổng số học sinh theo từng khối; số học sinh bình quân trên lớp theo từng khối; số lượng học sinh học 2 buổi/ ngày; số lượng học sinh nam trên nữ, học sinh là người dân tộc thiểu số, học sinh khuyết tật, số học sinh chuyển trường và tiếp nhận học sinh từ trường khác học tại trường.

+ Thống kê kết quả đánh giá học sinh theo quy định của Bộ giáo dục và Đào tạo; thống kê số lượng sinh được lên lớp, học sinh không được lên lớp.

+ Số lượng học sinh được công nhận hoàn thành chương trình, học sinh được cấp bằng tốt nghiệp; học sinh trúng tuyển vào các trường đại học, cao đẳng.

VI. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

- Công khai vào cuối năm học.

- Tình hình tài chính của cơ sở giáo dục liên kế thời điểm báo cáo theo quy định pháp luật, trong đó có các khoản thu, chi hoạt động:
- + Các khoản thu phân theo: Nguồn kinh phí (ngân sách nhà nước, học phí, các khoản thu theo nghị Quyết 12/2021/NQ-HĐND, thu hộ chi hộ)
- + Các khoản chi phân theo: Tiền lương và thu nhập (lương, phụ cấp, các khoản có tính chất lương,...); chi cơ sở vật chất và dịch vụ (chi mua sắm, tu sửa bảo dưỡng cơ sở vật, thuê mượn các dịch vụ phục vụ trực tiếp cho hoạt động giáo dục, đào tạo, nghiên cứu, phát triển đội ngũ, chi hỗ trợ người học (Chi hoạt động phong trào, thi đua, khen thưởng,...); chi khác,...
- Chính sách và kết quả thực hiện chính sách hằng năm về trợ cấp, miễn, giảm học phí,...
- Số dư các quỹ theo quy định.

VII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC

Công khai khi có kết quả.

Nơi nhận:

- Sở GD&ĐT
- Lưu Vt



HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Minh Sơn

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN CỦA CƠ SỞ GIÁO DỤC THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC PHỔ THÔNG

(Kèm theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 06 năm 2024)

THÔNG TIN CHUNG

Trường THPT Nguyễn Huệ tọa lạc tại số 49, đường Đặng Văn Sơn, khu phố 2, thị trấn Bến Cầu, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh, là một trường nằm ở huyện biên giới. Trường THPT Nguyễn Huệ thành lập ngày 04 tháng 09 năm 1993, theo Quyết định số 675/QĐ-UB của UBND huyện Bến Cầu. Trường được xây dựng trên khuôn viên với diện tích 9731,3 m² và trang bị cơ sở vật chất đủ phục vụ cho hoạt động dạy và học, có phòng Y tế để chăm sóc sức khỏe ban đầu cho học sinh. Trường có 01 hiệu trưởng và 02 Phó hiệu trưởng, có chi bộ sinh hoạt độc lập, có tổ chức công đoàn cơ sở và đoàn trường. Cán bộ, giáo viên, nhân viên được chia thành 8 tổ: Tổ Toán, tổ Lý – Công nghệ, tổ Thể dục – Tin học, tổ Văn, tổ Sử - Địa – Giáo dục công dân, tổ Hóa – Sinh, tổ Tiếng Anh và tổ Văn phòng.

Trong quá trình thành lập và phát triển, nhà trường luôn được sự quan tâm của sở Giáo dục và đào tạo, Ủy ban nhân dân huyện Bến Cầu. tập thể cán bộ, giáo viên, nhân viên nhà trường luôn hết mình vì sự nghiệp giáo dục. Chi bộ nhà trường luôn nêu cao tinh thần trách nhiệm lãnh đạo tốt các hoạt động của chính quyền và đoàn thể. các tổ chức công đoàn cơ sở, Đoàn Thanh niên, Ban đại diện cha mẹ học sinh,.. hoạt động tốt góp phần hoàn thành tốt nhiệm vụ chính trị của nhà trường.

Trường THPT Nguyễn Huệ có nguồn tài chính đảm bảo cho trường hoạt động gồm nguồn ngân sách nhà nước cấp, nguồn thu học phí. Các nguồn thu trên được nhà trường quản lý đúng với quy định của nhà nước, sử dụng đúng mục đích, công bằng, công khai, minh bạch nhằm nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện.

Trong những năm qua trường THPT Nguyễn Huệ đã từng bước khẳng định được uy tín là một trong những trường THPT có chất lượng cao trong tỉnh. kết quả trường đã đạt chuẩn quốc gia cấp độ 2 trong tháng 9 năm 2024. Nhiều năm liền trường đạt danh hiệu tập thể lao động xuất sắc, tỷ lệ học sinh đậu vào các trường đại học trên 80% và có số lượng học sinh trúng tuyển vào đại học điểm cao nằm trong tốp đầu trong các trường THPT của tỉnh.

Bến Cầu, ngày 09 tháng 09 năm 2024

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Minh Sơn

MẪU BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN CỦA CƠ SỞ GIÁO DỤC THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC PHỔ THÔNG

(Kèm theo thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 06/6/2024).

I. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

- Số được giao:
- + Biên chế: 67
- + Nghị định 111: 5.
- Số lượng người làm việc hiện có: 58

S T T	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo						Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp			
			TS	T h S	ĐH	C Đ	TC	Dưới TC	Hạng III	Hạng II	Hạng I	Xuất sắc	Khá	Trung bình	Kém
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	58		5	49	1	1	2	42	9					
I	Giáo viên														
	Trong đó số GV dạy môn:	50		5	45										
1	Toán	8		1	7				8						
2	Lý	3			3				3						
3	Hóa	4			4				3	1					
4	Sinh	2			2				2						
5	Tin	4		3	1				2	2					
6	Ngữ văn	7			7				5	2					
7	Lịch sử	3			3				2	1					
8	Địa lí	3			3				3	0					
9	Ngoại ngữ	6			6				6						
10	Giáo dục KT&PL	2			2				2						

11	Thẻ dục	4			4				4						
12	GDQP-AN	2			2				1	1					
13	Công nghệ	2		1	1				2						
14	Nghề														
II	Cán bộ quản lý	3							1	2					
1	Hiệu trưởng	1			1					1					
2	Phó hiệu trưởng	2			2				1	1					
II I	Nhân viên	5			1	1	2	2							
1	Nhân viên văn thư	1					1								
2	Nhân viên kế toán	1			1										
3	Bảo vệ	2						2							
4	Nhân viên y tế														
5	Nhân viên thư viện	1				1									
6	Nhân viên thiết bị, thí nghiệm														
7	Nhân viên hỗ trợ giáo dục người huyết tật														
8	Nhân viên công nghệ thông tin														

Bến Cầu, ngày 09 tháng 09 năm 2024

Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên và đóng dấu)



Nguyễn Minh Sơn

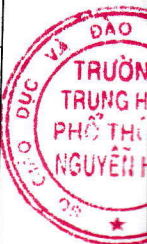


SỞ GD-ĐT TÂY NINH
TRƯỜNG THPT NGUYỄN HUỆ

THÔNG BÁO

Công khai thông tin cơ sở vật chất của trường trung học phổ thông, năm học 2023-2024

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Số phòng học	41	1.8m ² /học sinh
II	Loại phòng học		-
1	Phòng học kiên cố	30	1.8m ² /học sinh
2	Phòng học bán kiên cố	0	-
3	Phòng học tạm	0	-
4	Phòng học nhờ	0	-
5	Số phòng học bộ môn	9	-
6	Số phòng học đa chức năng (có phương tiện nghe nhìn)	2	-
7	Bình quân lớp/phòng học	0,73	-
8	Bình quân học sinh/lớp	39	-
III	Số điểm trường	1	-
IV	Tổng số diện tích đất (m²)	9731.3 m ²	10,052
V	Tổng diện tích sân chơi, bãi tập (m²)	6.077,22 m ²	7,1
VI	Tổng diện tích các phòng	5.528 m ²	4.457
1	Diện tích phòng học (m ²)	3.360 m ²	3,92
2	Diện tích phòng học bộ môn (m ²)	924 m ²	1,07
3	Diện tích phòng chuẩn bị (m ²)	m ²	
3	Diện tích thư viện (m ²)	140 m ²	0,16
4	Diện tích nhà tập đa năng (Phòng giáo dục rèn luyện thể chất) (m ²)	600m2	0,7
5	Diện tích phòng Y tế (m ²)	28m ²	
6	Diện tích phòng truyền thống		
7	Phòng Hiệu trưởng	28 m ²	
8	Phòng Làm việc Phó hiệu trưởng	56 m ²	
9	Phòng Đoàn trường	28 m ²	
10	Phòng Công Đoàn	28 m ²	
11	Phòng Chờ GV	84 m ²	
12	Phòng Kế Toán	28 m ²	
13	Phòng Văn thư	m ²	
14	Phòng Đảng ủy	m ²	
15	Phòng quản lý học sinh	28 m ²	
16	Phòng tổ CM	m ²	5 phòng



VII	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)	560	Số bộ/lớp
1.1	Khối lớp 10	162	20,25
1.2	Khối lớp 11	163	23,28
1.3	Khối lớp 12	235	33,57
3	Khu vườn sinh vật, vườn địa lí (diện tích/thiết bị)		-
VIII	Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ học tập (Đơn vị tính: bộ)	96	9,68 học sinh/ bộ
IX	Tổng số thiết bị dùng chung khác		Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	2	
2	Cát xét	3	
3	Đầu Video/đầu đĩa	4	
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	6	
5	Thiết bị khác...	5	

X	Nhà vệ sinh	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	X		X		0.12
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*					

(*Theo Thông tư số 12/2011/TT-BGDĐT ngày 28/2/2011 của Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trung học phổ thông có nhiều cấp học và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu - điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh).

	Nội dung	Có	Không
XI	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	X	
XII	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	X	
XIII	Kết nối internet (ADSL)	X	
XIV	Trang thông tin điện tử (website) của trường	X	
XV	Tường rào xây	X	



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN CỦA CƠ SỞ GIÁO DỤC THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC PHỔ THÔNG

(Kèm theo Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 06 năm 2024)

BÁO CÁO KIỂM ĐỊNH GIÁO DỤC

Thực hiện Thông tư số 18/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường trung học cơ sở, trung học phổ thông và trung học phổ thông có nhiều cấp học; công văn số 5932/BGDĐT – QLCL ngày 28/12/2018 của Bộ Giáo dục và đào tạo về việc hướng dẫn tự đánh giá và đánh giá ngoài cơ sở giáo dục phổ thông, nhà trường đã tiến hành công tác tự đánh giá và xác định tự đánh giá chất lượng giáo dục sẽ tạo bước chuyển lớn về chất lượng giáo dục của nhà trường. Thông qua tự đánh giá chất lượng giáo dục theo các tiêu chuẩn, nhà trường đánh giá được hiện trạng, những điểm mạnh, yếu, từ đó đề ra kế hoạch cải tiến chất lượng giáo dục theo các tiêu chí. đồng thời nhà trường cam kết, từng bước phân đầu thực hiện các biện pháp cải tiến chất lượng để nâng cao chất lượng giáo dục.

Phương hướng phân đầu của nhà trường trong giai đoạn 2019-2025 là: xây dựng trường học từng bước có uy tín về chất lượng giáo dục cao, đạt chuẩn mô hình giáo dục hiện đại, tiên tiến phù hợp với xu thế phát triển của đất nước.

+ Từng bước nâng mức độ kiểm định chất lượng và chuẩn quốc gia. Hiện nay trường đang đạt kiểm định chất lượng giáo dục cấp độ 3, đạt chuẩn quốc gia mức độ 2.

+ Có kế hoạch, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường theo từng giai đoạn được cơ quan quản lý giáo dục phê duyệt và giám sát thực hiện. Hiệu trưởng nhà trường từ năm 2020 và tầm nhìn 2025. chiến lược phù hợp với mục tiêu giáo dục được quy định tại Luật giáo dục.

Nhà trường có các giải pháp giám sát việc thực hiện phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển như sau: nhà trường cụ thể hóa chiến lược xây dựng và phát triển thành kế hoạch từ năm học. Mỗi tháng có họp hội đồng Sư phạm, kiểm tra đánh giá việc thực hiện kế hoạch của tháng, cuối mỗi học kỳ, mỗi năm học đều có đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch năm học, rà soát đối chiếu với chiến lược phát triển

Do vậy, nhà trường luôn xác định đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục là giải pháp đột phá tạo tiền đề cho sự phát triển và nâng cao chất lượng giáo dục. Việc xây dựng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục luôn được quan tâm theo hướng chuẩn hóa, đảm bảo chất lượng, đủ về số lượng, đồng bộ về cơ cấu, đặc biệt chú trọng nâng cao bản lĩnh chính trị, phẩm chất đạo đức, lương tâm nghề nghiệp nhằm góp phần đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng để đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Hiệu trưởng tiếp tục chỉ đạo các tổ chuyên môn xây dựng kế hoạch hoạt động

năm, tháng và tổ chức sinh hoạt các chuyên đề thường xuyên, nhất là các chuyên đề về đổi mới, kiểm tra đánh giá và nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện của nhà trường. Hiệu trưởng chỉ đạo, xây dựng và triển khai kế hoạch cuộc thi khoa học kỹ thuật cấp trường để các tổ có sự chuẩn bị chu đáo cho năm học sau. Trên cơ sở đó, tuyển chọn những sản phẩm có chất lượng tham dự cấp thành phố, đồng thời nhân rộng phong trào nghiên cứu khoa học trong học sinh. Hiệu trưởng khuyến khích tạo điều kiện và cử cán bộ giáo viên tham gia tập huấn nâng cao chuyên môn nghiệp vụ, năng lực quản lý.

Hiệu trưởng xây dựng kế hoạch đầu tư cơ sở vật chất và kinh phí cho các hoạt động học tập, giáo dục học sinh, đặc biệt là chuẩn bị cho chương trình giáo dục phổ thông năm 2018. thường xuyên rà soát, phân tích, đánh giá hiệu quả và tác động của các biện pháp, giải pháp tổ chức các hoạt động nhằm nâng cao chất lượng giáo dục.

Nhà trường tập trung hơn nữa vào việc giúp đỡ học sinh có kết quả rèn luyện năng lực và phẩm chất còn hạn chế. Cụ thể là giao nhiệm vụ cho giáo viên bộ môn, tổ chức dạy tại lớp chú ý đến học sinh yếu, gặp khó khăn trong học tập, tổ dạy phụ đạo có hiệu quả. Giáo viên chủ nhiệm quan tâm quản lý chất lượng giáo dục toàn diện đối với học sinh đạt kết quả rèn luyện chưa tốt, kết hợp với cả mẹ học sinh xây dựng kế hoạch rèn luyện năng lực và phẩm chất tại nhà có sự theo dõi của cha mẹ, giáo viên chủ nhiệm.

Trường THPT Nguyễn Huệ đạt kiểm định chất lượng giáo dục theo Quyết định số 3266/QĐ-SGDĐT ngày 05/07/2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo Tây Ninh về việc công nhận trường THPT Nguyễn Huệ, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh đạt kiểm định chất lượng giáo dục, đạt chuẩn quốc gia theo Quyết định số 1581/QĐ-UBND ngày 26/8/2024 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Tây Ninh về việc công nhận trường THPT Nguyễn Huệ, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh đạt chuẩn quốc gia mức độ 2.

Bến cầu, ngày 09 tháng 9 năm 2024

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Minh Sơn

SỞ GD-ĐT TÂY NINH
TRƯỜNG THPT NGUYỄN HUỆ

THÔNG BÁO

Công khai kết quả hoạt động giáo dục của trường trung học phổ thông

năm học 2023 -2024

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp		
			Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12
I	Số học sinh chia theo hạnh kiểm				
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	949/957	370/379	287/289	292/295
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	11/963	8/379	1/289	2/295
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	3/963	1/379	1/289	1/295
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0
II	Số học sinh chia theo học lực				
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	418/963	140/379	133/289	145/295
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	396/963	140/379	112/289	144/295
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	143/963	94/379	43/289	6/295
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	6/963	5/379	1/289	0
5	Kém (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0
III	Tổng hợp kết quả cuối năm				
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	957/963	374/379	288/289	295/295
a	Học sinh giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	418/963	140/379	133/289	145/295
b	Học sinh tiên tiến (tỷ lệ so với tổng số)	396/963	140/379	112/289	144/295
2	Thi lại	6/963	5/379	1/289	0/295

	(tỷ lệ so với tổng số)				
3	Lưu ban (tỷ lệ so với tổng số)	6/963	5/379	1/289	0
4	Chuyển trường đến/đi (tỷ lệ so với tổng số)	4/10		4/3	7
5	Bị đuổi học (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0
6	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học)	0	0	0	0
IV	Số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi văn hóa				
1	Cấp tỉnh/thành phố	9	7	2	0
2	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế				
V	Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp	295/295			295/295
VI	Số học sinh được công nhận tốt nghiệp	295/295			295/295
VII	Số học sinh thi đỗ đại học, cao đẳng công lập (tỷ lệ so với tổng số)	215/295			215/295
VIII	Số học sinh nam/số học sinh nữ	405/558	155/224	126/163	124/171
IX	Số học sinh dân tộc thiểu số	4	1	1	2

Bến Cầu, ngày 09 tháng 09 năm 2024

Thủ trưởng đơn vị

(Ký tên và đóng dấu)



Nguyễn Minh Sơn